

Bản án số: **19/2025/DS-ST**

Ngày: 24/01/2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Thái Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.
2. Ông Nguyễn Tường Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 532/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa ra xét xử số 358/2024/QĐXX - DS, ngày ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: **Công ty cổ phần xuất nhập LTS.**

Có trụ sở chính tại: số 71 Quốc lộ A, khu phố F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Ngọc H**, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Nơi cư trú: số 95E đường K, phường N, quận K, thành phố C, tỉnh Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2021, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Ngày 01/4/2013 ông và Công ty cổ phần xuất nhập LTS (sau đây gọi tắt là Công ty) có ký kết hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 17/2013/HĐ với nội dung như sau:

Ông đồng ý cho Công ty thuê phần đất có diện tích 20.550 m², loại đất nông nghiệp trồng lúa một vụ thuộc các thửa 712, 272, 281, 282, 283 tờ bản đồ số 2 xã

Bình Thắng do ông là người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/8/1996, Riêng thửa đất 272 tờ bản đồ số 02 do ông Lượng Văn C đứng tên kê khai, Phần đất thuộc thửa 272 ông đã nhận chuyển nhượng của ông C từ năm 1999 nhưng chưa thực hiện việc chuyển quyền cấp sổ. Mục đích thuê đất để nuôi trồng thủy sản, thời hạn thuê là 10 năm, kể từ ngày 01/4/2013 đến hết ngày 01/4/2023, giá thuê 10.000.000 đồng/ha/năm, giá thuê này chỉ áp dụng 5 năm đầu, từ năm thứ 6 hai bên sẽ thương lượng lại giá thuê mới.

Sau khi ký kết hợp đồng ông đã thực hiện việc giao đất cho công ty và đã nhận đủ số tiền thuê 05 năm là 102.750.000 đồng.

Đến ngày 01/4/2018 là ngày hết thời hạn thuê giá 10.000.000 đồng/ha/năm nhưng Công ty không gặp để trao đổi giá thuê của 05 năm sau.

Đến ngày 17/4/2018 Công ty mời ông đến UBND xã B để thỏa thuận lại giá thuê mới, giá Công ty đưa ra là 6.000.000 đồng/ha/năm, ông không đồng ý vì giá quá thấp nên hai bên không đi đến thống nhất được.

Ngày 28/8/2019 Công ty có giấy mời ông đến phần đất để Công ty tiến hành đo đạc giao đất nhưng khi đo đạc thì Công ty không giao đúng diện tích và vị trí đất nên từ đó cho đến nay thì phía Công ty không tiến hành đo đạc để thống nhất ranh đất để trả lại cho ông.

Theo hợp đồng thì đến ngày 01/4/2018 Công ty phải thỏa thuận giá thuê mới nếu không thỏa thuận được thì thanh lý hợp đồng, giao trả lại đất đúng theo hình thể ban đầu và Công ty cam kết hỗ trợ 50% giá trị tiền san lấp ao chứa bùn và đất làm nền nhà của Ban quản lý, những ao không chứa bùn thì hỗ trợ 20% giá trị san lấp, bàn giao đường điện, hàng rào, cống chứa nước, nhà ở. Tuy nhiên, Công ty đã nhiều lần hứa hẹn cũng không bàn giao đất theo thỏa thuận, không tiếp tục trả tiền thuê đất. Hiện tại thì Công ty đã trả lại cho ông bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cho thuê năm 2013.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy hợp đồng thuê đất số 17/2013/HĐ đã ký kết 01/4/2013 giữa ông Nguyễn Văn H với Công ty xuất nhập khẩu LTS.

Buộc Công ty xuất nhập khẩu LTS phải có nghĩa vụ trả lại diện tích đất đã thuê theo kết quả đo đạc của Tòa án ngày 27/02/2023 gồm các thửa như sau: Thửa 80 tờ bản đồ số 30 có diện tích là 1898.0 m² + thửa 57 tờ bản đồ số 31 có diện tích là 14058.4 m² + thửa 57-2 tờ bản đồ số 31 diện tích 27.7 m² + thửa 57-3 tờ bản đồ số 31 diện tích 10.2 m² + thửa 57-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 2.7 m² + thửa 56 tờ bản đồ số 31 diện tích 3042.4 m² + thửa 56-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 339.2 m². Tổng diện tích đất mà ông yêu cầu Công ty phải trả lại cho ông là **19.378,6 m²**, mặc dù diện tích đất này thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã cấp cho ông và thực tế đất ông đã cho công ty thuê nhưng ông đồng ý.

Đối với các yêu cầu trước đây như: Buộc Công ty phải tiến hành san lấp mặt bằng, khôi phục lại tình trạng đất ban đầu và Buộc Công ty phải thanh toán tiền thuê đất cho ông tính từ ngày 01/4/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, giá

thuê là 10.000.000 đồng/ha/năm, tính từ ngày 01/4/2018 đến ngày 30/3/2021 là 61.650.000 đồng thì tại phiên tòa hôm nay, ông xin rút các yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không lần nào đến Tòa án, không có ý kiến phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thu thập được lời khai bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất” là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại theo qui định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: Xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; lấy lời khai đương sự; yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ; tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015.

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết mặc dù đã triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý, chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến trình bày ý kiến, mặc nhiên coi như bị đơn thừa nhận đã vi phạm hợp đồng như phía nguyên đơn trình bày. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 472, 482 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Luật đất đai năm 2024, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty phải san lấp mặt bằng và yêu cầu buộc Công ty trả lại số tiền cho thuê đất từ năm 2018 đến năm 2021.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với Công ty xuất nhập khẩu lâm thủy sản Bến Tre về việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

Hủy hợp đồng thuê đất số 17/2013/HĐ đã ký kết ngày 01/4/2013 giữa ông Nguyễn Văn H và Công ty cổ phần xuất nhập LTS.

Buộc Công ty giao trả cho nguyên đơn phần đất gồm các Thửa 80 tờ bản đồ số 30 có diện tích là 1898.0 m^2 + thửa 57 tờ bản đồ số 31 có diện tích là 14058.4 m^2 + thửa 57-2 tờ bản đồ số 31 diện tích 27.7 m^2 + thửa 57-3 tờ bản đồ số 31 diện tích 10.2 m^2 + thửa 57-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 2.7 m^2 + thửa 56 tờ bản đồ số 31 diện tích 3042.4 m^2 + thửa 56-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 339.2 m^2 . Tổng diện tích đất mà ông yêu cầu Công ty phải trả lại cho ông là **$19.378,6 \text{ m}^2$** , theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 27/02/2023 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Đại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H với yêu cầu bị đơn là Công ty cổ phần xuất khẩu LTS phải trả lại tài sản đã thuê là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 712, 272, 281, 282, 283 tờ bản đồ số 2 xã B, theo số liệu mới thuộc các thửa 56, 57 tờ bản đồ số 31, 80 tờ bản đồ số 30 xã B. Theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đã được hai bên ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng ngày 01/4/2013. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn với yêu cầu bị đơn là Công ty cổ phần xuất khẩu LTS phải trả lại tài sản đã thuê là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 712, 272, 281, 282, 283 tờ bản đồ số 2 xã B, theo số liệu mới thuộc các thửa 56, 57 tờ bản đồ số 31, 80 tờ bản đồ số 30 xã B. Căn cứ vào **điểm g** khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Công ty cổ phần xuất khẩu LTS đã được tổng hợp hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả

kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền thuê quyền sử dụng đất và tiền khôi phục lại tình trạng ban đầu như lúc cho thuê quyền sử dụng đất. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút là phù hợp.

[5] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/4/2022, kết quả thể hiện tại họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 27/02/2023; Biên bản về việc xác định thống nhất ranh giới trên thực địa giữa ông Nguyễn Văn H với chủ đất liền kề ông Nguyễn Văn T. Theo đó, xác định được phần diện tích đất mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại có diện tích đo đạc thực tế là **19.378,6 m²**. Thể hiện ở các Thửa 80 tờ bản đồ số 30 có diện tích là 1898.0 m² + thửa 57 tờ bản đồ số 31 có diện tích là 14058.4 m² + thửa 57-2 tờ bản đồ số 31 diện tích 27.7 m² + thửa 57-3 tờ bản đồ số 31 diện tích 10.2 m² + thửa 57-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 2.7 m² + thửa 56 tờ bản đồ số 31 diện tích 3042.4 m² + thửa 56-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 339.2 m².

[6] Xét họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 27/2/2023 thì tổng diện tích đất mà ông Nguyễn Văn H đòi bị đơn phải trả có diện tích **19.378,6 m²** thiếu đi của ông diện tích 1.171.4 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã được Nhà nước công nhận ở thửa đất 712, 281, 282, 283, 280 tờ bản đồ số 2, thửa 272 tờ 02 mà ông nhận chuyển nhượng từ Lượng Văn C và hợp đồng thuê đất số 17/2013 nhưng ông Nguyễn Văn H đồng ý. Bồi lẽ: Sau khi Công ty thuê đất đã cào bằng toàn bộ diện tích đất thuê của rất nhiều người, ranh giới thay đổi toàn bộ, Công ty đã làm đường và nhiều công trình khác nên ông đồng ý với diện tích **19.378,6 m²** để cho cơ quan Nhà nước thuận lợi cho việc giao trả lại các chủ đất sau này. **Xét thấy:** đây là sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét thấy, đường ranh giữa thửa đất số 56, 57 tờ 31, thửa 80 tờ 30 của ông Nguyễn Văn H giáp với các thửa đất số 61, 62, 81 tờ 30, 40, 58 tờ 31, theo hiện trạng mà ông Nguyễn Văn H xác định lúc Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì có sự lấn sang so với đường ranh theo hồ sơ địa chính với diện tích là 2463.6 m². Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các chủ sử dụng đất liền kề và theo sự thống nhất của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T đồng ý xác định ranh giữa các thửa đất số 56, 57 tờ 31, thửa 80 tờ 30, thửa đất số 61, 62, 81 tờ 30, 40, 58 tờ 31 xã B là lấy ranh theo hồ sơ địa chính là hợp lý và phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Luật đất đai năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Hơn nữa, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương thì toàn bộ các thửa đất liền kề tại khu vực đất này còn rất nhiều chủ sử dụng khác cũng đã cho Công ty cổ phần xuất khẩu LTS thuê đất nhưng chưa xác định được vị trí, diện tích đất để Công ty cổ phần xuất khẩu LTS giao trả đất khi thời hạn hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đã hết.

Do đó, để bảo đảm quyền lợi hài hòa cho tất cả những chủ sử dụng đất có đất và đã cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu LTS thuê, nhưng chưa được trả đất, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu LTS phải trả lại diện tích đất thuộc các Thửa 80 tờ bản đồ số 30 có diện tích là 1898.0 m² + thửa 57 tờ bản đồ số 31 có diện tích là 14058.4 m² + thửa 57-2 tờ bản đồ số 31 diện tích 27.7 m² + thửa 57-3 tờ bản đồ số 31 diện tích 10.2 m² + thửa 57-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 2.7 m² + thửa 56 tờ bản đồ số 31 diện tích 3042.4 m² + thửa 56-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 339.2 m². Tổng diện tích là 19.378,6 m² theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 27/02/2023.

[9] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng:

Căn cứ Biên bản quyết toán chi phí tố tụng ngày 11/12/2024 thì tổng chi phí tố tụng là 3.314.000 đồng do nguyên đơn đã tạm ứng và quyết toán xong. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng này không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, đây là quyền định đoạt và quyết định của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận mà không xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí theo quy định. Số tiền án phí bị đơn phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 472, 482 của Bộ luật dân sự; Điều 26, 27 Luật đất đai năm 2024; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu LTS trả tiền thuê quyền sử dụng đất; San lấp mặt bằng, khôi phục lại tình trạng ban đầu như lúc cho thuê quyền sử dụng đất”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu LTS. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*”. Cụ thể:

2.1. Hủy hợp đồng thuê đất số 17/2013/HĐ đã ký kết ngày 01/04/2013 giữa ông Nguyễn Văn H với Công ty xuất nhập khẩu LTS.

2.2. Buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu LTS phải trả cho ông Nguyễn Văn H tổng diện tích quyền sử dụng đất là 19.378,6 m² thuộc các thửa 80 tờ bản đồ số

30 có diện tích là 1898.0 m² + thửa 57 tờ bản đồ số 31 có diện tích là 14058.4 m² + thửa 57-2 tờ bản đồ số 31 diện tích 27.7 m² + thửa 57-3 tờ bản đồ số 31 diện tích 10.2 m² + thửa 57-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 2.7 m² + thửa 56 tờ bản đồ số 31 diện tích 3042.4 m² + thửa 56-1 tờ bản đồ số 31 diện tích 339.2 m². theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 27/02/2023.

Từ cận phần diện tích phải giao trả được xác định theo họa đồ ngày 27/02/2023.

3. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Văn H tự chịu số tiền 3.314.000 đồng (Ba triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng) và đã quyết toán xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu LTS phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí là 1.842.000 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000283, 0000282 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Công ty cổ phần xuất nhập khẩu LTS có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thái Dương